

Cty CP Chứng Khoán Bản Việt

Mã Số Thuế : 0305299799

Địa Điểm Kinh Doanh: 67 Hàm Nghi, Q.1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã	Thuyết minh	Số cuối Quý 3	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,499,996,161,825	1,795,452,129,469
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN	110	V.01	250,156,258,820	111,616,718,751
1. Tiền	111		250,156,258,820	111,616,718,751
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	V.02	1,039,346,975,293	1,059,922,610,501
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,160,577,390,232	1,198,873,031,011
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(121,230,414,939)	(138,950,420,510)
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		189,199,103,608	614,818,783,909
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	3,581,526,610	283,486,148,968
2. Trả trước cho người bán	132		3,445,086,815	1,123,789,910
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		168,794,044	190,383,037
5. Các khoản phải thu khác	138	V.04	182,003,696,139	330,018,461,994
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. HÀNG TỒN KHO	140		18,984,000	12,320,284
1. Hàng tồn kho	141		18,984,000	12,320,284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		21,274,840,104	9,081,696,024
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,663,261,200	2,471,980,037
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		19,611,578,904	6,609,715,987
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		591,238,242,638	622,201,775,573
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
1. Vốn ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		4,565,922,045	7,612,776,214
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	2,800,310,632	4,492,090,431
- Nguyên giá	222		24,574,722,376	23,857,196,448
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(21,774,411,744)	(19,365,106,017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	438,789,413	3,120,685,783
- Nguyên giá	228		14,827,816,815	14,669,694,425
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(14,389,027,402)	(11,549,008,642)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1,326,822,000	-
III. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-



IV. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250		574,991,100,000	606,244,925,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	V07	11,604,400,000	11,604,400,000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		11,604,400,000	11,604,400,000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	563,386,700,000	594,640,525,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		11,681,220,593	8,344,074,359
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	4,019,202,548	2,919,239,269
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	7,662,018,045	5,424,835,090
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,091,234,404,463	2,417,653,905,042
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1,588,718,394,836	1,955,863,491,667
I. NỢ NGẮN HẠN	310		1,088,354,169,836	1,455,431,516,667
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V11	383,960,525,821	582,426,780,000
2. Phải trả người bán	312	V12	5,312,000,000	221,681,817,543
3. Người mua trả tiền trước	313	V13	330,185,724,058	121,749,992,655
4. Thuế và các khoản nộp Nhà Nước	314	V.14	9,712,856,941	5,607,809,402
5. Phải trả công nhân viên	315		61,567,500	5,688,415,262
6. Chi phí phải trả	316	V.15	19,319,444,444	56,183,873,528
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	210,663,555,574	429,469,263,916
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		116,404,392,942	30,629,540,905
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		11,211,854,100	471,775,000
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1,522,248,456	1,522,248,456
13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
14. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. NỢ DÀI HẠN	330		500,364,225,000	500,431,975,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		500,000,000,000	500,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		364,225,000	431,975,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		502,516,009,627	461,790,413,375
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		502,516,009,627	461,790,413,375
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	396,900,000,000	378,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8,700,456,248	8,700,456,248
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8,700,456,248	8,700,456,248
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		88,215,097,131	66,389,500,879
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

3
/
/ HI
B
/ V7

12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-	-
II. NGUỒN KINH PHÍ	430			-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	431			-	-
1. Nguồn kinh phí	432			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 +	440			2,091,234,404,463	2,417,653,905,042

Ngày 05 tháng 10 năm 2012

LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ LÃNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐOÀN MINH THIỆN

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



HUYỄN RICHARD LÊ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

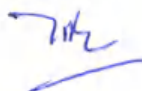
Quý: III/2012

Cho giai đoạn từ ngày: 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

(Đơn vị tính: VND)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2012		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu			105,423,464,427	85,829,431,331	354,552,110,238	249,905,594,960
Trong đó:	1			-		-
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.1		40,701,629,790	6,440,024,960	71,554,480,610	54,699,862,531
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.2		30,535,242,742	11,893,636,130	78,425,606,292	56,872,574,812
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.3			-		-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	1.4			-	56,200,000,000	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.5		6,430,454,544	2,579,719,870	18,623,360,999	7,645,148,527
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.6		102,618,187	764,964,913	1,388,414,854	3,204,849,052
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	1.7		27,933,780	68,380,139	92,365,598	336,440,343
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	1.8			-		-
- Doanh thu khác	1.9		27,625,585,384	64,082,705,319	128,267,881,885	127,146,719,695
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			-		-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		105,423,464,427	85,829,431,331	354,552,110,238	249,905,594,960
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		81,722,691,349	48,820,648,087	271,225,248,415	147,979,729,774
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		23,700,773,078	37,008,783,244	83,326,861,823	101,925,865,186
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,301,041,634	3,805,268,500	27,163,719,153	26,375,256,859
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		15,399,731,444	33,203,514,744	56,163,142,670	75,550,608,327
8. Thu nhập khác	31		3,219,000	5,375,000	4,319,000	30,775,000
9. Chi phí khác	32			25,633,514,907		59,818,828,487
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3,219,000	(25,628,139,907)	4,319,000	(59,788,053,487)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15,402,950,444	7,575,374,837	56,167,461,670	15,762,554,840
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.14	3,874,407,399	1,893,843,709	14,041,865,418	4,274,641,427
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-		-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		11,528,543,045	5,681,531,128	42,125,596,252	11,487,913,413
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-			

Tên người lập biểu



NGUYỄN THỊ LÀNH

Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH THIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP GIÁN TIẾP)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Mã số	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN QUÝ 3	
		NĂM 2012	NĂM 2011
Lợi nhuận trước thuế	01	56,167,461,670	7,575,374,837
Điều chỉnh cho các khoản	0	-	-
Khấu hao tài sản cố định	02	5,249,324,487	1,829,616,265
Các khoản dự phòng	03	(17,720,005,571)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(41,800,506,708)	697,925,623
Chi phí lãi vay	05	119,354,004,924	37,454,691,298
			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	121,250,278,802	47,557,608,023
(Tăng)/giảm các khoản phải thu, chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác	09	470,622,177,000	(7,894,169,187)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6,663,716)	(4,450,000)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không tính lãi vay phải trả, thuế TNDN còn phải nộp)	11	27,388,969,419	(333,427,740,192)
Tăng/(giảm) các chi phí trả trước	12	(3,072,552,970)	28,350,000
Tiền lãi vay đã trả	13	(155,868,479,332)	(24,910,073,853)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13,451,460,063)	(1,186,632,044)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	372,362,269,140	(319,837,107,253)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2,048,170,318)	(130,380,000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	24	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(147,328,900,000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		178,582,725,000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26,937,870,426	3,122,162,745
			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	56,143,525,108	2,991,782,745
			-
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			-

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	18,900,000,000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	890,660,525,821	297,149,966,833
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,255,126,780,000)	(246,500,000,000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18,900,000,000)	(145,825,000)
			-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(289,966,254,179)	50,504,141,833
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	138,539,540,069	(266,341,182,675)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	111,616,718,751	373,690,762,079
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 1)	70	250,156,258,820	107,349,579,404

Ngày 05 tháng 10 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ LÃNH

ĐOÀN MINH THIỆN

HUỖNH RICHADR LÊ MINH

3
H
P
i
1
T
=

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Tài chính, Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tư doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán và cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Trong năm Công ty lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam, được lập theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.
2. **Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
3. **Chứng khoán tự doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân loại

Công ty phân loại các cổ phiếu niêm yết và các cổ phiếu chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán tự doanh. Sự phân loại này phù hợp với mục tiêu của Công ty nhằm mua các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết và bán lại để có thể thu được một khoản lợi nhuận cao nhất trong thời gian ngắn. Các khoản đầu tư dài hạn khác được dự định giữ trong vòng hơn một năm (mặc dù thời gian thực sự giữ lại có thể dài hơn hoặc ngắn hơn phụ thuộc vào tình hình hoạt động của các công ty được đầu tư và các trường hợp khác) thì được phân loại thành khoản đầu tư dài hạn khác.

Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán tự doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày mà công ty ký kết các hợp đồng.

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Đánh giá

Chứng khoán niêm yết tự doanh được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Chứng khoán chưa niêm yết tự doanh được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá, nếu có.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét giá gốc, tình hình thị trường, các hoạt động kinh doanh hiện tại và trong dự án và các luồng lưu chuyển tiền tệ ước tính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

4. Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán tự doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

Nguyên giá của chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5. Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty cung cấp tiền cho các bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư vào chứng khoán theo các điều khoản trong hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản được mua theo các hợp đồng ủy thác được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán là chứng khoán tự doanh và được phản ánh theo các chính sách kế toán Việt Nam được chấp thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Chứng khoán mua theo các hợp đồng để bán lại (hợp đồng mua để bán lại chứng khoán) không được ghi nhận như khoản mua chứng khoán mà là khoản phải thu và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo nguyên giá. Tiền lãi thu được từ các hợp đồng mua để bán lại chứng khoán này được ghi nhận là khoản thu nhập tiền lãi dựa theo thời hạn của từng hợp đồng trên cơ sở dồn tích.

Tiền tạm ứng theo các hợp đồng để mua chứng khoán trong tương lai (tiền tạm ứng và hợp đồng mua chứng khoán trong tương lai) được ghi nhận như khoản phải thu và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo nguyên giá. Tiền lãi thu được từ các hợp đồng này được ghi nhận là khoản thu nhập tiền lãi dựa theo thời hạn của từng hợp đồng trên cơ sở dồn tích.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Chi phí nâng cấp văn phòng	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong vòng 2 - 3 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

11. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ, chi phí trả trước ngắn hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo khả năng hữu dụng của tài sản.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu tự doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại các ngân hàng, lãi từ các hợp đồng mua để bán lại chứng khoán và các khoản tiền tạm ứng. Doanh thu về vốn kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6,685,600,764	327,885,867
Tiền gửi ngân hàng	136,270,658,056	40,888,832,884
Tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng		70,400,000,000
Cộng	142,956,258,820	111,616,718,751
Tiền gửi có Kỳ hạn thế chấp tại Ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty	107,200,000,000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	250,156,258,820	111,616,718,751

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán thương mại	606,236,191,147	456,163,480,175
Dự phòng chứng khoán thương mại	(100,682,407,880)	(118,402,413,451)
<i>Giá trị thuần Chứng khoán thương mại</i>	505,553,783,267	337,761,066,724
Đầu tư ngắn hạn khác	554,341,199,085	742,709,550,836
Dự phòng các khoản hỗ trợ thanh toán	(20,548,007,059)	(20,548,007,059)
<i>Giá trị thuần các khoản đầu tư ngắn hạn khác</i>	533,793,192,026	722,161,543,777
Cộng các khoản đầu tư ngắn hạn	1,039,346,975,293	1,059,922,610,501

Tình hình biến động của khoản dự phòng đầu tư ngắn hạn

Số đầu Kỳ	(138,950,420,510)
Hoàn nhập dự phòng Kỳ trước	138,950,420,510
Trích lập dự phòng Kỳ này	(121,230,414,939)
Số cuối Kỳ	(121,230,414,939)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng cá nhân	-	280,418,220,000
Phải thu từ Công ty CP Phát Triển BĐS Việt Hưng	-	1,430,000,000
Phải thu khác	3,581,526,610	1,637,928,968
Cộng	3,581,526,610	283,486,148,968

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Phải thu từ nhân viên Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam	19,078,560,000	104,025,720,000
Phải thu từ mua bán chứng khoán vốn chưa niêm yết	99,920,000,000	112,904,339,200
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	13,564,166,667
Phải thu từ hợp đồng hợp đồng hỗ trợ tài chính ngắn hạn	14,511,605,784	38,541,666,667
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư dài hạn	17,644,330,000	17,754,267,035
Tiền ứng trước cho các hợp đồng ủy quyền đầu tư	27,661,668,098	35,770,000,000
Phải thu khác	3,187,532,257	7,458,302,425
Cộng	182,003,696,139	330,018,461,994

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa Vật kiến trúc	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị Quản lý	Tổng
Nguyên giá				
Số dư đầu Kỳ	6,839,145,848	3,330,335,577	13,687,715,023	23,857,196,448
Tăng trong Kỳ			717,525,928	717,525,928
Thanh lý trong kỳ				-
Số dư cuối Kỳ	6,839,145,848	3,330,335,577	14,405,240,951	24,574,722,376
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu Kỳ	6,695,709,670	1,720,797,784	10,948,598,563	19,365,106,017
Khấu hao trong Kỳ	131,851,556	407,431,438	1,870,022,733	2,409,305,727
Thanh lý trong kỳ				
Số dư cuối Kỳ	6,827,561,226	2,128,229,222	12,818,621,296	21,774,411,744
Giá trị còn lại				
Số dư đầu Kỳ	143,436,178	1,609,537,793	2,739,116,460	4,492,090,431
Số dư cuối Kỳ	11,584,622	1,202,106,355	1,586,619,655	2,800,310,632

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Tài sản cố định vô hình khác
Nguyên giá	
Số dư đầu Kỳ	14,669,694,425
Tăng trong Kỳ	158,122,390
Số dư cuối Kỳ	14,827,816,815

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu Kỳ	11,549,008,642
Khấu hao trong Kỳ	2,840,018,760
Số dư cuối Kỳ	14,389,027,402
Giá trị còn lại	
Số dư đầu Kỳ	3,120,685,783
Số dư cuối Kỳ	438,789,413

7. Đầu tư chứng khoán dài hạn

Chứng khoán sẵn sàng để bán

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	10,000,000,000	10,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	1,604,400,000	1,604,400,000
Cộng	11,604,400,000	11,604,400,000

8. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Việt Hưng	20,427,700,000	20,427,700,000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Việt Hưng 3A-2	-	5,883,080,000
Công ty Cổ phần Xây dựng-Sản xuất-Thương mại Tài Nguyên	25,000,000,000	25,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia	3,600,000,000	3,600,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường Cao tốc Việt Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Vận Thương Long	4,359,000,000	4,359,000,000
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	-	25,370,745,000
Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Phú Sĩ	500,000,000,000	500,000,000,000
Cộng	563,386,700,000	594,640,525,000

9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán:

Khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh Toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005, do Bộ Tài chính ban hành, yêu cầu Công ty phải ký quỹ khoản tiền ban đầu là 120 triệu VNĐ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,008% tổng giá trị chứng khoán giao dịch và môi giới của kỳ trước.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

Số dư đầu Kỳ	120,000,000
Tiền nộp bổ sung trong Kỳ	3,899,202,548
Số dư cuối Kỳ	4,019,202,548

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản dài hạn khác**

Số dư này chủ yếu phản ánh các khoản tiền ký quỹ thuê văn phòng

11. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	20,000,000,000	125,426,780,000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	195,960,525,821	63,000,000,000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	21,000,000,000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Masan	48,000,000,000	373,000,000,000
Ngân Hàng Thương Mại CP Bản Việt	120,000,000,000	
Cộng	<u>383,960,525,821</u>	<u>582,426,780,000</u>

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Việt Hưng 3A-2	-	103,757,138,846
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Việt Hưng	5,292,000,000	5,670,000,000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	111,000,000,000
Phải trả khác	20,000,000	1,254,678,697
Cộng	<u>5,312,000,000</u>	<u>221,681,817,543</u>

13. Người mua trả tiền trước:

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	330,185,724,058	121,749,992,655

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	165,566,457	446,917,328
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,850,737,611	3,260,332,256
Thuế thu nhập cá nhân	1,167,151,637	1,870,474,154
Các loại thuế khác	4,529,401,236	30,085,664
Cộng	<u>9,712,856,941</u>	<u>5,607,809,402</u>

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	19,319,444,444	54,898,411,429
Chi phí khác	-	1,285,462,099
Cộng	<u>19,319,444,444</u>	<u>56,183,873,528</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả cho các hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	86,217,470,810	21,876,099,214
Phải trả khác	30,186,922,132	8,753,441,691
Cộng	116,404,392,942	30,629,540,905

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguồn vốn ủy thác từ Công ty TNHH Khí Hóa Lông Việt Nam	21,125,720,000	113,067,180,000
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư	-	93,980,844,800
Tạm ứng từ KH tổ chức	187,833,495,290	193,385,906,183
Tạm ứng từ KH cá nhân	-	26,617,038,622
Cổ tức phải trả cho cổ đông	-	1,240,970,000
Phải trả khác	1,704,340,284	1,177,324,311
Cộng	210,663,555,574	429,469,263,916

18. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	Quỹ khen thưởng	Lợi nhuận chưa phân phối
Số đầu năm	378,000,000,000	8,700,456,248	8,700,456,248	1,522,248,456	66,389,500,879
Lợi nhuận trong Kỳ					42,125,596,252
Trích cổ tức, tăng vốn	18,900,000,000				(18,900,000,000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, khác					(1,400,000,000)
Số cuối Kỳ	396,900,000,000	8,700,456,248	8,700,456,248	1,522,248,456	88,215,097,131

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1. Doanh thu**

	Q3/2012	Q3/2011
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	40,701,629,790	6,440,024,960
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	30,535,242,742	11,893,636,130
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	6,430,454,544	2,579,719,870
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	102,618,187	764,964,913
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	27,933,780	68,380,139
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-
- Doanh thu khác	27,625,585,384	64,082,705,319
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	105,423,464,427	85,829,431,331

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Q3/2012	Q3/2011
Chi phí nhân viên	5,470,441,262	4,317,162,069
Khấu hao và phân bổ	1,498,130,930	1,520,983,157
Chi phí thuê văn phòng	659,250,485	572,280,606
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	30,681,511,719	482,230,508
Chi phí lãi vay	33,072,032,557	37,454,691,298
Phí môi giới và lưu ký chứng khoán	5,678,333,636	868,864,623
Chi phí đi lại	322,919,652	396,886,319
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Hoa hồng môi giới	189,661,459	246,048,898
Chi phí khác	4,150,409,649	2,961,500,609
Cộng	81,722,691,349	48,820,648,087

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Q3/2012	Q3/2011
Chi phí nhân viên	2,626,270,920	2,074,147,061
Thiết bị văn phòng	-	31,400,050
Khấu hao và phân bổ	232,380,271	308,633,108
Chi phí thuê văn phòng	1,498,477,623	1,530,912,200
Chi phí đi lại	89,185,182	124,838,391
Thuế và phí khác	1,610,000	7,247,165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,334,457,638	133,652,842
Chi phí dự phòng phải thu	-	0
Chi phí khác	518,660,000	-405,562,317
Cộng	8,301,041,634	3,805,268,500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ LÀNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐOÀN MINH THIỆN

TP.HCM, ngày 05 tháng 10 năm 2012

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



HUYNH RICHARD LÊ MINH

